TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 23 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Văn K**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà **Triệu Thị B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Văn K, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp BĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và Triệu Thị B, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp BĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lâm Văn K và bà Triệu Thị B thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông K và bà B xác định có 02 con chung tên Lâm Thị Ch Đ, sinh ngày 10/10/2002 và Lâm Thị CĐ sinh ngày 06/8/2007. Em Lâm Thị Ch Đ đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết; em Lâm Thị CĐ hiện do bà Biên nuôi dưỡng; ông K và bà B thống nhất thoả thuận giao em Lâm

Thị CĐ cho bà Biên tiếp tục nuôi dưỡng, ông K và bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Ông Lâm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà B xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng do các bên đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25%). Ông K phải chịu 75.000 đồng đồng, bà B phải chịu số tiền 75.000 đồng, qua hòa giải ông K tự nguyện chịu án phí cho bà B. Ông K đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010085 ngày 19/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, hoàn trả cho ông K số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- UBND xã LĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni